**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I NĂM HỌC 2024- 2025**

**MÔN: CÔNG NGHỆ LỚP 11 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 phút**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | **Tổng** |
|  | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** | **Số CH** | **Thời gian** (phút) | **%****tổng****điểm** |
| **Số CH** | **Thời gian** (phút) | **Số CH** | **Thời gian** (phút) | **Số CH** | **Thời gian** (phút) | **Số CH** | **Thời gian** (phút) | **TN** | **TL** |
| **1** | **Giới thiệu chung về chăn nuôi**  | Vai trò và triển vọng của chăn nuôi |  |  |  |  |  |  |  |  | 5 | 1 | 12.5 | **27%** |
| Vật nuôi và phương thức chăn nuôi | 2 | 2 | 3 | 4.5 | 1 | 6 |  |  |
| **2** | **Công nghệ giống vật nuôi** | Khái niệm, vai trò của giống trong chăn nuôi | 4 | 4 | 1 | 1.5 |  |  | 1 | 7.5 | 16 | 2 | 32.5 | **73%** |
| Chọn giống vật nuôi | 4 | 4 | 2 | 3 |  |  |  |  |
| Nhân giống vật nuôi | 2 | 2 | 2 | 3 | 1 | 6 |  |  |
| Ứng dụng công nghệ sinh học trong chọn và nhân giống vật nuôi. |  |  | 1 | 1.5 |  |  |  |  |
| **Tổng** | **12** | 12 | **9** | 13.5 | **2** | 12 | **1** | 7.5 | **21** | **3** | 45,0 | **100** |
| **Tỉ lệ (%)** | **40** | **30** | **20** | **10** |  |  |  |  |
| **Tỉ lệ chung (%)** | **70** | **30** |  |  |  |

#

#  **BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ I NĂM HỌC 2024- 2025**

 **MÔN: CÔNG NGHỆ CHĂN NUÔI LỚP 11 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT**

| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng****cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng**  | **Vận dụng cao** |
| **1** | Vai trò, triển vọng của chăn nuôi | **Nhận biết:**- Nhận biết được vai trò của chăn nuôi**-** Nhận biết được các yêu cầu cơ bản đối với người lao động trong chăn nuôi**Thông hiểu:**- Hiểu được ý nghĩa của việc ứng dụng công nghệ biogas trong xử lí chất thải chăn nuôi**-** Hiểu được các thành tựu trong công tác giống vật nuôi |  |  |  |  |
| **2** | Vật nuôi và phương thức chăn nuôi | **Nhận biết:**- Nhận biết được các cách phân loại vật nuôi.- Nhận biết được vật nuôi bản địa, vật nuôi ngoại nhập..- Nhận biết được các loài động vật theo các cách phân loại: theo nguồn gốc, đặc tính sinh học, mục đích sử dụng.- Nhận biết được các phương thức chăn nuôi chủ yếu ở nước ta **Thông hiểu:**- Xác định được các loài vật nuôi cụ thể tùy thuộc vào từng mục đích sử dụng- Phân biệt được đặc điểm, ưu điểm nhược điểm của các phương thức chăn nuôi ở nước ta- Hiểu được đặc điểm của các xu hướng phát triển của chăn nuôi: chăn nuôi bền vững, chăn nuôi thông minh.**Vận dụng:**- Sắp xếp được các loài vật nuôi vào nhóm vật nuôi tương ứng. | 2 | 3 | 1 |  |
| **3** | Khái niệm, vai trò của giống trong chăn nuôi | **Nhận biết:**- Nêu được khái niệm giống vật nuôi.- Nhận biết được cách phân loại giống vật nuôi - Nêu được đặc điểm của vật nuôi kiêm dụng, vật nuôi chuyên dụng.**-** Nhận biết được các điều kiện để công nhận giống vật nuôi**Thông hiểu:**- Xác định được khả năng sản xuất của 1 số giống cụ thể- Hiểu được vai trò của giống trong chăn nuôi**Vận dụng cao:**- Giải thích được hiện tượng trong thực tiễn. | 4 | 1 |  | 1 |
| **4** | Chọn giống vật nuôi | **Nhận biết**- Nhận biết được các chỉ tiêu cơ bản để chọn giống vật nuôi.- Nêu được khái niệm ngoại hình, thể chất, sinh trưởng phát dục, khả năng sản xuất.- Nêu được các phương pháp chọn lọc giống vật nuôi- Nhận biết được mục đích của chọn giống vật nuôi **Thông hiểu:**- Phân tích được ưu điểm các phương pháp chọn lọc giống vật nuôi.- Hiểu được quy trình tiến hành của các phương pháp chọn lọc giống vật nuôi.**Vận dụng:**- Phân biệt được các phương pháp chọn giống vật nuôi  | 4 | 2 |  |  |
| **5** | Nhân giống vật nuôi | **Nhận biết:**- Nhận biết được đặc điểm của giống thuần chủng.- Nêu được đặc điểm lai giống, nhân giống thuần chủng**Thông hiểu:****-** Hiểu được mục đích của nhân giống thuần chủng - Hiểu được đặc điểm của phép lai kinh tế.- Hiểu được lai kinh tế đơn giản, lai kinh tế phức tạp.**Vận dụng:**- Xác định và đề xuất được một số phương pháp lai giống trong nhân giống vật nuôi | 2 | 2 | 1 |  |
| **6** | Ứng dụng công nghệ sinh học trong chọn và nhân giống vật nuôi | **Nhận biết:**- Nêu được khái niệm công nghệ cấy truyền phôi, thụ tinh trong ống nghiệm, xác định giới tính của phôi.Thông hiểu: - Hiểu được quy trình tiến hành các công nghệ cấy truyền phôi, thụ tinh trong ống nghiệm, xác định giới tính của phôi, ứng dụng chỉ thị phân tử.- Phân tích được ý nghĩa của công nghệ cấy truyền phôi, thụ tinh trong ống nghiệm, xác định giới tính của phôi, ứng dụng chỉ thị phân tử. |  | 1 |  |  |
| **Tổng** |  |  | 12 | 9 | 2 | 1 |

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GD-ĐT QUẢNG NAMTRƯỜNG THPT ĐỖ ĐĂNG TUYỂN--------------------*(Đề thi có 02 trang)* | KIỂM TRA GIỮA KÌ I.NĂM HỌC 2024 - 2025MÔN: CÔNG NGHỆ TRỒNG TRỌT 11.*Thời gian làm bài: 45 phút(không kể thời gian phát đề)* |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Họ và tên: .............................................................. | Số báo danh: ........ | Mã đề: |

ĐỀ GỐC SỐ 1

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (7 ĐIỂM)

Câu 1: Có bao nhiêu căn cứ chủ yếu để phân loại vật nuôi?

A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 2: Vật nuôi bản địa là gì?

A. Vật nuôi được chăn nuôi ở địa phương.

B. Vật nuôi được hình thành và chăn nuôi ở địa phương.

C. Vật nuôi có nguồn gốc từ nước ngoài được du nhập vào Việt Nam.

D. Vật nuôi được lai tạo giữa vật nuôi địa phương và vật nuôi nhập từ nước ngoài.

Câu 3: Giống vật nuôi là gì?

A. Là quần thể vật nuôi khác loài, khác nguồn gốc, có ngoại hình và cấu trúc di truyền khác nhau, được hình thành, củng cố, phát triển do tác động của con người.

B. Là quần thể vật nuôi cùng loài, cùng nguồn gốc, có ngoại hình và cấu trúc di truyền tương tự nhau.

C. Là quần thể có số lượng giống vật nuôi lớn, cấu trúc di truyền khác nhau, được hình thành, củng cố, phát triển do tác động của con người.

D. Là quần thể vật nuôi cùng loài, cùng nguồn gốc, có ngoại hình và cấu trúc di truyền tương tự nhau, được hình thành, củng cố, phát triển do tác động của con người.

Câu 4: Giống vật nuôi được phân loại theo những cách nào?

A. nguồn gốc, mức độ hoàn thiện, chất lượng. B. mức độ hoàn thiện, mục đích khai thác, giá cả.

C. thị trường, nguồn gốc, mục đích khai thác. D. nguồn gốc, mức độ hoàn thiện, mục đích khai thác.

Câu 5: Vật nuôi chuyên dụng là gì ?

A. Vật nuôi có thể được khai thác theo nhiều hướng khác nhau.

B. Vật nuôi có thể đảm nhận nhiều công việc nặng.

C. Vật nuôi chỉ khai thác theo một hướng nhất định.

D. Vật nuôi mang lại hiệu quả kinh tế.

Câu 6: Cần có mấy điều kiện để được công nhận là giống vật nuôi?

A. 5 B. 6 C. 3 D. 4

Câu 7: Chọn giống vật nuôi dựa trên hình dáng toàn thân thuộc tiêu chí chọn lọc nào?

A. Ngoại hình. B. Thể chất. C. Sinh trưởng, phát dục. D. Khả năng sản xuất.

**Câu 8:** Phát dục là

A. đặc điểm bên ngoài của con vật. B. mức độ tạo ra sản phẩm của con vật.

C. quá trình biến đổi về chất của cơ thể. D. đặc tính thích nghi của con vật với điều kiện sống.

Câu 9: Khi cần chọn lọc một hoặc một vài các thể vật nuôi làm giống, người ta thường áp dụng phương pháp chọn lọc nào sau đây?

A. Chọn lọc hàng loạt. B. Chọn lọc cá thể. C. Chọn lọc tổ tiên. D. Chọn lọc đời sau.

Câu 10: Giống thuần chủng là giống có đặc tính di truyền

A. ổn định và đồng nhất. B. đồng nhất.

C. không đồng nhất và ổn định. D. không ổn định.

Câu 11: Nhân giống thuần chủng có đặc điểm nào sau đây?

A. Bố, mẹ cùng một giống. B. Bố, mẹ cùng một giống thuần chủng.

C. Bố, mẹ thuộc các giống khác nhau. D. Bố, mẹ có thể cùng giống hoặc khác giống.

Câu 12: Có mấy phương pháp chủ yếu áp dụng để chọn giống vật nuôi?

A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 13: Phương thức chăn thả tự do có đặc điểm nào sau đây?

A. Tận dụng nguồn thức ăn tự nhiên và phụ phẩm nông nghiệp.

B. Số lượng vật nuôi lớn, vật nuôi được nhốt hoàn toàn trong chuồng trại.

C. Mức đầu tư cao.

D. Đảm bảo an toàn sinh học.

Câu 14: Phát biểu nào sau đây sai khi nói về chăn nuôi thông minh?

A. Áp dụng các công nghệ thông minh. B. Sản phẩm chăn nuôi an toàn.

C. Chi phí đầu tư thấp. D. Nâng cao sản lượng và hiệu quả chăn nuôi.

Câu 15: Phát biểu nào sau đây sai khi nói về đặc điểm của chăn nuôi bền vững?

A. Vật nuôi được nuôi dưỡng, chăm sóc tốt, không bị ngược đãi.

B. Người chăn nuôi có lợi nhuận, môi trường được bảo vệ.

C. Cung cấp cho người tiêu dùng nguồn thực phẩm chất lượng cao, an toàn, giá cả hợp lí.

D. Luôn đặt lợi ích của người chăn nuôi lên hàng đầu.

Câu 16: Trong cùng một điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, dê Bách Thảo cho sản lượng sữa thấp hơn dê Alpine, điều này thể hiện vai trò gì của giống vật nuôi?

A. Giống vật nuôi quyết định đến năng suất chăn nuôi.

B. Điều kiện chăm sóc kém, nhưng giống tốt thì chất lượng sản phẩm chăn nuôi vẫn tốt.

C. Điều kiện chăm sóc kém, nhưng giống tốt thì năng suất chăn nuôi vẫn cao.

D. Giống vật nuôi quyết định chất lượng sản phẩm chăn nuôi.

Câu 17: Đâu không phải là ưu điểm của chọn lọc hàng loạt?

A. Dễ tiến hành. B. Không đòi hỏi kĩ thuật cao. C. Không tốn kém. D. Hiệu quả chọn lọc cao.

**Câu 18:** Cho các ý sau:

1. Chọn lọc tổ tiên nhìn vào phả hệ để xem tổ tiên có tốt hay không.

2. Kiểm tra đời con nhằm xác định khả năng di truyền những tính trạng tốt của bản thân con vật cho đời sau.

3. Chọn lọc bản thân, chúng sẽ được nuôi trong điều kiện tiêu chuẩn về nuôi dưỡng và chăm sóc.

Hãy sắp xếp theo thứ tự tiến hành của phương pháp chọn lọc cá thể?

A. 1→ 3→ 2 B. 1→ 2→ 3 C. 2→ 3→ 1 D. 2→ 1→ 3

Câu 19: Lai giữa lợn đực ngoại Yorkshire với lợn cái Móng Cái để tạo ra con lai F1 có khả năng sinh trưởng nhanh, tỉ lệ nạc cao và thích nghi với điều kiện chăn nuôi của Việt Nam. Đây là ví dụ về phương pháp lai nào?

A. Lai xa. B. Nhân giống thuần chủng. C. Lai kinh tế phức tạp. D. Lai kinh tế đơn giản.

Câu 20: Phát biểu nào sau đây sai khi nói về phép lai kinh tế?

A. Con lai dùng vào mục đích thương phẩm.

B. Con lai có sức sản xuất cao.

C. Con lai dùng để làm giống.

D. Có thể có sự tham gia của 2 giống hoặc từ 3 giống trở lên.

Câu 21: Cho các bước thụ tinh trong ống nghiệm dưới đây:

(1) Thụ tinh nhân tạo. (2) Hút tế bào trứng từ buồng trứng.

(3) Nuôi hợp tử phát triển đến giai đoạn phôi dâu và phôi nang. (4) Nuôi để trứng phát triển và chín.

Sắp xếp các bước trên theo thứ tự đúng là:

A. (2)→ (4)→ (1)→ (3) B. (3)→ (2)→ (4)→ (1)

C. (2)→ (4)→ (3)→ (1) D. (3)→ (4)→ (1)→ (2)

PHẦN II: TỰ LUẬN (3 ĐIỂM)

Câu 1: (1 điểm) Sắp xếp các vật nuôi sau đây vào nhóm vật nuôi tương ứng: Bò Red Sindhi, gà Đông Tảo, trâu LangBiang, vịt Anh Đào.

|  |  |
| --- | --- |
| Vật nuôi bản địa | Vật nuôi ngoại nhập |
|  |  |

Câu 2: (1 điểm) Bò Vàng có khả năng thích nghi tốt với điều kiện địa phương nhưng tầm vóc và khối lượng nhỏ, lượng sữa ít, không thể nuôi để trở thành sản phẩm hàng hóa rộng rãi được. Theo em, để khai thác bò theo hướng sữa thì sử dụng phép lai gì? Hãy đề xuất một phép lai cụ thể.

Câu 3: (1 điểm) Bác Năm và bác Sáu đều đang nuôi gà đẻ trứng, bác Năm nuôi giống gà Ai Cập, bác Sáu nuôi giống gà Ri. Gà nhà bác Năm đẻ trung bình 280 quả/năm, trong khi gà nhà bác Sáu đẻ trung bình chỉ 90 quả/năm. Thấy vậy bác Sáu có ý định học học hỏi bác Năm kinh nghiệm chăm sóc gà để tăng khả năng đẻ trứng cho gà nhà mình như gà nhà bác Năm. Theo em, ý định của bác Sáu có thành công không? Vì sao?

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GD-ĐT QUẢNG NAMTRƯỜNG THPT ĐỖ ĐĂNG TUYỂN--------------------*(Đề thi có 02 trang)* | KIỂM TRA GIỮA KÌ I.NĂM HỌC 2024 - 2025MÔN: CÔNG NGHỆ TRỒNG TRỌT 11.*Thời gian làm bài: 45 phút(không kể thời gian phát đề)* |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Họ và tên: .............................................................. | Số báo danh: ........ | Mã đề: |

ĐỀ GỐC SỐ 2

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (7 ĐIỂM)

Câu 1: Có bao nhiêu căn cứ chủ yếu để phân loại vật nuôi?

A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 2: Vật nuôi ngoại nhập là gì?

A. Vật nuôi được chăn nuôi ở địa phương.

B. Vật nuôi được hình thành và chăn nuôi ở địa phương.

C. Vật nuôi có nguồn gốc từ nước ngoài được du nhập vào Việt Nam.

D. Vật nuôi được lai tạo giữa vật nuôi địa phương và vật nuôi nhập từ nước ngoài.

Câu 3: Giống vật nuôi là gì?

A. Là quần thể vật nuôi khác loài, khác nguồn gốc, có ngoại hình và cấu trúc di truyền khác nhau, được hình thành, củng cố, phát triển do tác động của con người.

B. Là quần thể vật nuôi cùng loài, cùng nguồn gốc, có ngoại hình và cấu trúc di truyền tương tự nhau.

C. Là quần thể có số lượng giống vật nuôi lớn, cấu trúc di truyền khác nhau, được hình thành, củng cố, phát triển do tác động của con người.

D. Là quần thể vật nuôi cùng loài, cùng nguồn gốc, có ngoại hình và cấu trúc di truyền tương tự nhau, được hình thành, củng cố, phát triển do tác động của con người.

Câu 4: Giống vật nuôi được phân loại theo những cách nào?

A. nguồn gốc, mức độ hoàn thiện, chất lượng. B. mức độ hoàn thiện, mục đích khai thác, giá cả.

C. thị trường, nguồn gốc, mục đích khai thác. D. nguồn gốc, mức độ hoàn thiện, mục đích khai thác.

Câu 5: Vật nuôi kiêm dụng là gì?

A. Vật nuôi có thể được khai thác theo nhiều hướng khác nhau.

B. Vật nuôi có thể đảm nhận nhiều công việc nặng.

C. Vật nuôi chỉ khai thác theo một hướng nhất định.

D. Vật nuôi mang lại hiệu quả kinh tế.

Câu 6: Cần có mấy điều kiện để được công nhận là giống vật nuôi?

A. 5 B. 6 C. 3 D. 4

Câu 7: Chọn những con vật nuôi khỏe mạnh, nhanh nhẹn để làm giống là dựa trên tiêu chí chọn lọc nào?

A. Ngoại hình. B. Thể chất. C. Sinh trưởng, phát dục. D. Khả năng sản xuất.

**Câu 8:** Khả năng sản xuất của vật nuôi là

A. đặc điểm bên ngoài của con vật. B. mức độ tạo ra sản phẩm của con vật.

C. quá trình biến đổi về chất của cơ thể. D. đặc tính thích nghi của con vật với điều kiện sống.

Câu 9: Khi cần chọn lọc nhiều các thể vật nuôi làm giống, người ta thường áp dụng phương pháp chọn lọc nào sau đây?

A. Chọn lọc hàng loạt. B. Chọn lọc cá thể. C. Chọn lọc tổ tiên. D. Chọn lọc đời sau.

Câu 10: Giống thuần chủng là giống có đặc tính di truyền

A. ổn định và đồng nhất. B. đồng nhất.

C. không đồng nhất và ổn định. D. không ổn định.

Câu 11: Phương pháp lai giống có đặc điểm nào sau đây?

A. Bố, mẹ cùng một giống. B. Bố, mẹ cùng một giống thuần chủng.

C. Bố, mẹ thuộc các giống khác nhau. D. Bố, mẹ có thể cùng giống hoặc khác giống.

Câu 12: Có mấy phương pháp chủ yếu áp dụng để chọn giống vật nuôi?

A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 13: Phương thức chăn nuôi công nghiệp có đặc điểm nào sau đây?

A. Tiềm ẩn nhiều nguy cơ gây ô nhiễm môi trường. B. Khó kiểm soát dịch bệnh.

C. Vật nuôi được chăn thả tự do. D. Mức đầu tư thấp.

Câu 14: Phát biểu nào sau đây sai khi nói về chăn nuôi thông minh?

A. Áp dụng các công nghệ thông minh. B. Sản phẩm chăn nuôi an toàn.

C. Chi phí đầu tư thấp. D. Nâng cao sản lượng và hiệu quả chăn nuôi.

Câu 15: Phát biểu nào sau đây sai khi nói về đặc điểm của chăn nuôi bền vững?

A. Vật nuôi được nuôi dưỡng, chăm sóc tốt, không bị ngược đãi.

B. Người chăn nuôi có lợi nhuận, môi trường được bảo vệ.

C. Cung cấp cho người tiêu dùng nguồn thực phẩm chất lượng cao, an toàn, giá cả hợp lí.

D. Luôn đặt lợi ích của người chăn nuôi lên hàng đầu.

Câu 16: Giống lợn Landrace có tỉ lệ thịt nạc cao trong khi đó lợn Ỉ lại có tỉ lệ nạc thấp, tỉ lệ mỡ cao, điều này thể hiện vai trò gì của giống vật nuôi?

A. Giống vật nuôi quyết định đến năng suất chăn nuôi.

B. Điều kiện chăm sóc kém, nhưng giống tốt thì chất lượng sản phẩm chăn nuôi vẫn tốt.

C. Điều kiện chăm sóc kém, nhưng giống tốt thì năng suất chăn nuôi vẫn cao.

D. Giống vật nuôi quyết định chất lượng sản phẩm chăn nuôi.

Câu 17: Đâu không phải là ưu điểm của chọn lọc cá thể?

A. Năng suất ổn định. B. Không đòi hỏi kĩ thuật cao.

C. Giống có độ đồng đều cao. D. Hiệu quả chọn lọc cao.

**Câu 18:** Cho các ý sau:

1. Căn cứ vào số liệu ghi chép về màu lông, da , hình dáng, khối lượng cơ thể, năng suất sữa, trứng,…của đàn vật nuôi để tiến hành chọn.

2. Đặt ra những tiêu chuẩn cho các chỉ tiêu chọn lọc.

3. Những cá thể đạt tiêu chuẩn sẽ được giữ lại làm giống.

Hãy sắp xếp theo thứ tự các bước tiến hành của phương pháp chọn lọc hàng loạt?

A. 2 → 1→ 3 B. 3→ 2→ 1 C. 1→ 2→ 3 D. 2→ 3→ 1

Câu 19: Lai giữa gà trống Hồ với gà mái Lương Phượng để tạo ra con lai F1, sau đó con mái F1 được cho lai với con trống Mía để tạo ra con lai F2 (Mía x Hổ x Phượng) là giống gà thịt lông màu thả vườn. Đây là ví dụ về phương pháp lai nào?

A. Lai xa. B. Nhân giống thuần chủng. C. Lai kinh tế phức tạp. D. Lai kinh tế đơn giản.

Câu 20: Phát biểu nào sau đây sai khi nói về phép lai kinh tế?

A. Con lai dùng vào mục đích thương phẩm.

B. Con lai có sức sản xuất cao.

C. Con lai dùng để làm giống.

D. Có thể có sự tham gia của 2 giống hoặc từ 3 giống trở lên.

Câu 21: Cho các bước xác định giới tính phôi ở vật nuôi:

(1) Điện di sản phẩm PCR. (2) Tách chiết DNA của mẫu phôi.

(3) Đối chiếu sản phẩm điện di để xác định giới tính. (4) Lấy mẫu từ phôi.

(5) Khuếch đại DNA của mẫu phôi bằng PCR với mồi đặc hiệu.

Sắp xếp các bước trên theo thứ tự đúng là:

A. (4)→ (2)→ (5)→ (3)→ (1) B. (5)→ (3)→ (2)→ (4)→ (1)

C. (4)→ (2)→ (5)→ (1)→ (3) D. (2)→ (4)→ (1)→ (5)→ (3)

PHẦN II: TỰ LUẬN (3 ĐIỂM)

Câu 1: (1 điểm) Sắp xếp các vật nuôi sau đây vào nhóm vật nuôi tương ứng: dê Bách Thảo, gà Hồ, lợn Yorkshire, trâu Murrah.

|  |  |
| --- | --- |
| Vật nuôi bản địa | Vật nuôi ngoại nhập |
|  |  |

Câu 2: (1 điểm) Bò Vàng có khả năng thích nghi tốt với điều kiện địa phương nhưng tầm vóc và khối lượng nhỏ, lượng sữa ít, không thể nuôi để trở thành sản phẩm hàng hóa rộng rãi được. Theo em, để khai thác bò theo hướng thịt thì sử dụng phép lai gì? Hãy đề xuất một phép lai cụ thể.

Câu 3: (1 điểm) Bác Năm và bác Sáu đều đang nuôi gà đẻ trứng, bác Năm nuôi giống gà Ai Cập, bác Sáu nuôi giống gà Ri. Gà nhà bác Năm đẻ trung bình 280 quả/năm, trong khi gà nhà bác Sáu đẻ trung bình chỉ 90 quả/năm. Thấy vậy bác Sáu có ý định học học hỏi bác Năm kinh nghiệm chăm sóc gà để tăng khả năng đẻ trứng cho gà nhà mình như gà nhà bác Năm. Theo em, ý định của bác Sáu có thành công không? Vì sao?

HƯỚNG DẪN CHẤM CN 10

ĐỀ GỐC SỐ 1

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (7 ĐIỂM)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 |
| C | B | D | D | C | A | A | C | B | A | B | B | A | C | D | A | D | A | D | C | A |

PHẦN II: TỰ LUẬN (3 ĐIỂM)

Câu 1: (1 điểm) Sắp xếp các vật nuôi sau đây vào nhóm vật nuôi tương ứng: Bò Red Sindhi, gà Đông Tảo, trâu LangBiang, vịt Anh Đào.

|  |  |
| --- | --- |
| Vật nuôi bản địa | Vật nuôi ngoại nhập |
| Gà Đông Tảo, trâu LangBiang | Bò Red Sindhi, vịt Anh Đào. |

Sắp xếp đúng mỗi loài vật nuôi vào nhóm tương ứng: 0,25 điểm

Câu 2: (1 điểm) Bò Vàng có khả năng thích nghi tốt với điều kiện địa phương nhưng tầm vóc và khối lượng nhỏ, lượng sữa ít, không thể nuôi để trở thành sản phẩm hàng hóa rộng rãi được. Theo em, để khai thác bò theo hướng sữa thì sử dụng phép lai gì? Hãy đề xuất một phép lai cụ thể.

Trả lời:

- Sử dụng phép lai cải tạo. (0,5 điểm)

- Đề xuất một phép lai: Bò vàng x Bò Holstein Friesian (0,5 điểm)

(HS có thể đề xuất 1 phép lai khác)

Câu 3: (1 điểm) Bác Năm và bác Sáu đều đang nuôi gà đẻ trứng, bác Năm nuôi giống gà Ai Cập, bác Sáu nuôi giống gà Ri. Gà nhà bác Năm đẻ trung bình 280 quả/năm, trong khi gà nhà bác Sáu đẻ trung bình chỉ 90 quả/năm. Thấy vậy bác Sáu có ý định học học hỏi bác Năm kinh nghiệm chăm sóc gà để tăng khả năng đẻ trứng cho gà nhà mình như gà nhà bác Năm. Theo em, ý định của bác Sáu có thành công không? Vì sao?

Trả lời:

- Ý định của bác Sáu không thành công. (0,5 điểm)

- Vì khả năng sản xuất trứng của giống gà Ri và giống gà Ai Cập là khác nhau. (0,5 điểm)

ĐỀ GỐC SỐ 2

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (7 ĐIỂM)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 |
| C | C | D | D | A | A | B | B | A | B | C | B | A | C | D | D | B | A | C | C | C |

PHẦN II: TỰ LUẬN (3 ĐIỂM)

Câu 1: (1 điểm) Sắp xếp các vật nuôi sau đây vào nhóm vật nuôi tương ứng: dê Bách Thảo, lợn Yorkshire, gà Hồ, trâu Murrah.

|  |  |
| --- | --- |
| Vật nuôi bản địa | Vật nuôi ngoại nhập |
| Dê Bách Thảo, gà Hồ. | Lợn Yorkshire, trâu Murrah. |

Sắp xếp đúng mỗi loài vật nuôi vào nhóm tương ứng: 0,25 điểm

Câu 2: (1 điểm) Bò Vàng có khả năng thích nghi tốt với điều kiện địa phương nhưng tầm vóc và khối lượng nhỏ, lượng sữa ít, không thể nuôi để trở thành sản phẩm hàng hóa rộng rãi được. Theo em, để khai thác bò theo hướng thịt thì sử dụng phép lai gì? Hãy đề xuất một phép lai cụ thể.

Trả lời:

- Sử dụng phép lai cải tạo. (0,5 điểm)

- Đề xuất một phép lai: Bò vàng x Bò Red Sindhi  (0,5 điểm)

(HS có thể đề xuất 1 phép lai khác)

Câu 3: (1 điểm) Bác Năm và bác Sáu đều đang nuôi gà đẻ trứng, bác Năm nuôi giống gà Ai Cập, bác Sáu nuôi giống gà Ri. Gà nhà bác Năm đẻ trung bình 280 quả/năm, trong khi gà nhà bác Sáu đẻ trung bình chỉ 90 quả/năm. Thấy vậy bác Sáu có ý định học học hỏi bác Năm kinh nghiệm chăm sóc gà để tăng khả năng đẻ trứng cho gà nhà mình như gà nhà bác Năm. Theo em, ý định của bác Sáu có thành công không? Vì sao?

Trả lời:

- Ý định của bác Sáu không thành công. (0,5 điểm)

- Vì khả năng sản xuất trứng của giống gà Ri và giống gà Ai Cập là khác nhau. (0,5 điểm)